ASEAN

TỔNG QUAN KINH TẾ

PTS. NGUYỄN PHÚ TỤ

I. ASEAN QUÁ KHỨ, HIỆN TẠI

Giữa thập niên 60 để giải quyết những thách thức về chính trị, kinh tế trong khu vực; đồng thời giải tỏa các khó khăn, sức ép chính trị từ bên ngoài; ngày 8.8.1967 tại Thái Lan, 5 quốc gia trong khu vực Đông Nam Á (Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore) đã cùng nhau ký kết tuyên bố Bangkok; Hiệp hội các nước Đông Nam Á (Association of Southeast Asian Nations - ASEAN) chính thức được thành lập. Đây là một trong những liên kết kinh tế được hình thành sớm nhất trong các nước thuộc thế giới thứ ba. Tuyên bố Bangkok nhấn mạnh "thúc đẩy tăng trưởng kinh tế" là một trong các mục tiêu được ưu tiên hàng đầu của hiệp hội; vì vậy cần thiết phải đẩy mạnh hợp tác kinh tế trong khu vực. Song bối cảnh kinh tế thế giới ở thời điểm này không mấy thuận lợi; đa số các nước vẫn tiếp tục thực thi chiến lược kinh tế đóng cửa. Liên kết kinh tế thế giới, khu vực còn hết sức hạn chế (trừ EEC, EFTA) do vậy Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) trong những năm còn lại của thập niên 60 vẫn chỉ là một tổ chức lu mờ trên bản đồ kinh tế thế giới với những ngành kinh tế mũi nhọn tập trung chủ yếu vào khu vực sản xuất thứ nhất (nông nghiệp và công nghiệp khai khoáng). Thập niên 70 với chiến lược công nghiệp hóa đất nước, kinh tế các thành viên ASEAN bắt đầu khởi động theo hướng chú trọng nhiều vào công nghiệp chế tạo trên cơ sở: vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý đều phải dựa vào nước ngoài nhằm sản xuất hàng tiêu dùng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước. Tuy nhiên những thành công của chiến lược công nghiệp hóa hướng nội thay thế hàng nhập khẩu đã làm cho nền kinh tế ngày càng kém hiệu quả, thiếu năng động, hạn chế bang giao giữa các nước ASEAN và quan hệ kinh tế với các nước trên thế giới. Từ năm 1967 đến

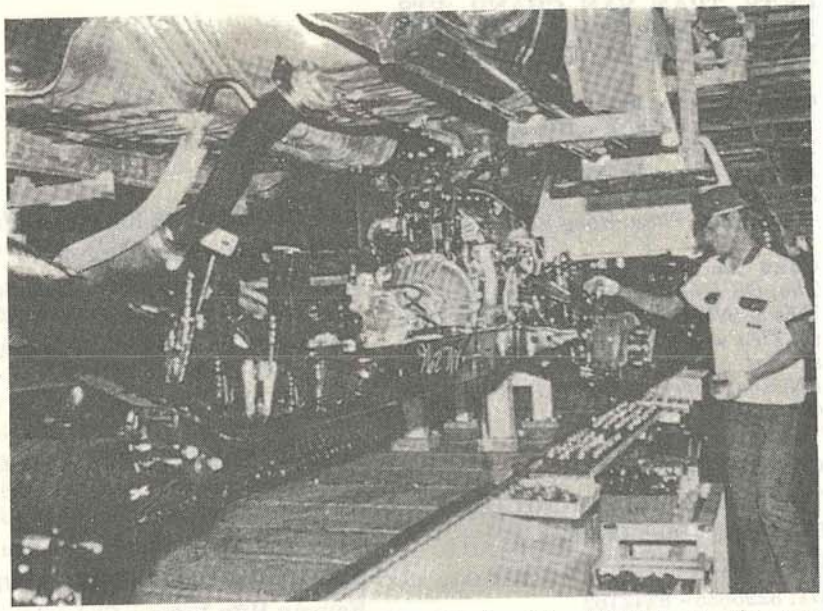

cuối thập niên 70 liên kết kinh tế giữa các thành viên ASEAN còn hết sức lỏng lẻo các thành viên vẫn đơn thương độc mã trên con đường phát triển, liên kết kinh tế khu vực còn hạn chế đã tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế và thương mại trong khu vực. Trong thời kỳ này (từ năm 1967 đến đầu thập niên 80) kinh tế các nước thành viên ASEAN có một số đặc trưng cơ bản sau đây:

. Nông nghiệp lạc hậu và là ngành sản xuất chủ đạo, tình trạng độc canh phổ biến, năng suất lao động thấp; tích lũy từ nông nghiệp gần như không có gì.

. Sản phẩm xuất khẩu chủ lực là nguyên nhiên vật liệu thô chưa qua chế biến; giá cả phụ thuộc vào thị trường thế giới; trong nhiều trường hợp do thiếu kinh nghiệm thương trường quốc tế đã bị thua lỗ nặng nề. Tình trạng nhập siêu diễn ra triền miên qua các năm.

. Tình trạng thâm hụt ngân sách khá trầm trọng. Để giải quyết thâm hụt các nước ASEAN phải vay tín dụng với lãi suất cao của các tổ chức tài chính thế giới nhằm cải thiện cán cân thu chi bất hợp lý trong nước.

. Khủng hoảng kinh tế và lạm phát tuy diễn ra ở những thời điểm khác nhau song mức độ, tính chất và hậu quả thì tương đối giống nhau; lạm phát tác động tiêu cực tới nông nghiệp làm cho nông nghiệp vốn dĩ đã lạc hậu, độc canh ngày càng bị phân tán, mất cân đối.

. Đời sống của dân cư thấp, nạn đói thường xuyên diễn ra.

Nhằm thúc đẩy nhanh chóng quá trình công nghiệp hóa đất nước, biến đổi cơ cấu sản xuất, đẩy mạnh việc tiếp thu công nghệ mới, các thành viên ASEAN đã lần lượt chuyển từ chiến lược công nghiệp hóa hướng nội qua chiến lược công nghiệp hóa hướng ngoại; khởi đầu là Singapore tiếp sau là Malaysia, Philippines, Thái Lan và cuối cùng là Indonesia. Mặc dù gặp nhiều trắc trở, khó khăn nhưng rồi tất cả những trở ngại cuối cùng cũng vượt qua được vì:

- Sự thôi thúc mở rộng thị trường khi mà sức sản xuất trong nước phát triển mâu thuẫn với thị trường nội địa nhỏ bé.

- Sự thành công của NIC Đông Á đã chứng minh rõ chính sách công nghiệp hóa hướng ra xuất khẩu là đúng đắn; là tiên đề cho các nước đang phát triển có khả năng trở thành các nước công nghiệp mới là sự khích lệ to lớn đối với các nước ASEAN.

- Môi trường buôn bán quốc tế ở thời điểm này rất thuận lợi, chính sách tự do mậu dịch trên thế giới là điều kiện tiên quyết để hàng hóa của

ASEAN thâm nhập vào thị trường của các nước OECD.

- Trong vòng cung Đông Á (Đông Bắc Á và Đông Nam Á) từ cuối thập niên 70 đã dần dần hình thành một sự liên kết ba tầng. Người Nhật gọi là: "kết cấu đàn nhạn bay" hay "mô hình đàn nhạn bay", Nhật - NIC - ASEAN (trong đó Nhật Bản là nước xuất khẩu thuộc thế hệ thứ nhất; NIC thuộc thế hệ thứ hai; ASEAN thuộc thế hệ thứ ba). Mối liên kết theo tầng nấc tạo cho ASEAN cơ hội đẩy mạnh "chiến lược công nghiệp hóa hướng ra xuất khẩu".

- Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đã thúc đẩy các nước OECD điều chỉnh lại cơ cấu; điều này đã tạo điều kiện cho các thành viên ASEAN thời cơ để thúc đẩy nhanh chóng con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Thập niên 80 kinh tế các nước ASEAN bắt đầu khởi sắc, tốc độ tăng trưởng hàng năm luôn đạt từ 6% trở lên, cơ cấu hàng xuất khẩu có những chuyển biến to lớn từ chỗ xuất khẩu hàng nguyên liệu thô, nông phẩm nguyên dạng sang các ngành công nghiệp tinh vi nhằm tăng kim ngạch xuất khẩu; cơ cấu thị trường và tỷ trọng xuất khẩu cũng có những biến động lớn, thể hiện qua thương mại nội bộ của ASEAN còn rất hạn chế; trong khi đó mậu dịch của ASEAN với Thái Bình Dương chiếm tỷ trọng lớn vì giữa Hòa Kỳ - Nhật Bản - NICs và ASEAN có tính chất bổ sung lớn: ASEAN giàu tài nguyên và lao động giản đơn trong khi Nhật Bản và NICs thiếu tài nguyên và giàu tư bản, kỹ thuật.

Cuối thập niên 80 đầu thập niên 90, tình hình chính trị, kinh tế thế giới có nhiều biến động lớn. Chiến tranh lạnh kết thúc, các quốc gia từ đối đầu sang đối thoại, hợp tác liên kết. Từ chính sách bảo hộ, đóng cửa kinh tế tại đại đa số các quốc gia; qua xu thế quốc tế hóa kinh tế - xã hội trên toàn cầu. Lịch sử thế giới đã sang trang; đó là hợp tác để phát triển. Trong bối cảnh đó các thành viên ASEAN đều ý thức rõ muốn tồn tại và phát triển chỉ có một con đường duy nhất là mở rộng hợp tác nhằm giải quyết:

. Mâu thuẫn giữa Mỹ với các thành viên về một số vấn đề nhân quyền và thương mại.

. Giải quyết tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ giữa các quốc gia trên cơ sở hòa bình hợp tác nhằm biến Đông Nam Á trở thành khu vực ổn định về an ninh chính trị tạo môi trường đầu tư hấp dẫn.

. Việc một số quốc gia trong khu vực châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, tiến hành cải cách kinh tế và mở cửa làm mất đi một phần lợi thế của ASEAN trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

. Giải quyết những tồn tại, hạn chế tiến tới liên kết khu vực, hỗ trợ, giúp nhau cùng tăng trưởng, thịnh vượng và tăng áp lực với các tổ chức thế giới như: WTO, Liên Hiệp Quốc.

. Giải quyết nhu cầu mở rộng thị trường cho các thành viên ASEAN.

Để thực hiện được những nhiệm vụ to lớn trên đây các thành viên ASEAN phải xây dựng được nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định; phải hết sức coi trọng việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế sao cho phù hợp với đất nước mình trong từng thời kỳ nhằm tận dụng lợi thế so sánh.

Để tăng cường, củng cố, mở rộng hơn nữa quan hệ hợp tác khu vực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thương mại quốc tế; ngày 27 - 28.1.1992 Hội nghị thượng đỉnh lần thứ IV tại Singapore đánh dấu một mốc quan trọng trong việc cụ thể hóa những mục tiêu và phương hướng hợp tác kinh tế

ASEAN trong những thập niên tới. Tại hội nghị này 3 văn kiện có ý nghĩa chiến lược đã được nguyên thủ 6 quốc gia thành viên ASEAN ký kết:

1. Khẳng định quyết tâm của ASEAN đưa sự hợp tác kinh tế lên tầm cao hơn và định ra phương hướng hợp tác trên các lãnh vực cụ thể.

2. Hiệp định về ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT - Common Effective Preferential Tariffs) nhằm tiến tới thành lập khu vực mậu dịch tự do của ASEAN (AFTA - ASEAN Free Trade Area).

3. Hiệp định khung đẩy mạnh hợp tác kinh tế ASEAN với 3 nguyên tắc hợp tác:

. Hướng ngoại

. Cùng có lợi

. Linh hoạt trong sự tham gia của các thành viên vào các chương trình, dự án hợp tác. Sự hợp tác kinh tế ASEAN được thực hiện trên những lĩnh vực chủ yếu sau: thương nghiệp, công nghiệp, vận tải, thông tin liên lạc, tài chính ngân hàng, du lịch, nông - lâm - nghiệp năng lượng và khoáng sản.

Nhờ thực hiện cuộc cách mạng 3T (Transportation; Telecommunication; Tourism - vận tải, viễn thông, du lịch) khoảng cách dị biệt về kinh tế, chính trị, văn hóa trong khu vực được dần dần rút ngắn; góp phần đáng kể làm tăng thu nhập, giảm sự chênh lệch giàu nghèo Bắc - Nam trong khu vực Đông Á.

Thông qua những ưu thế của mình như: tình hình chính trị ổn định, lao động dồi dào, đất đai tài nguyên phong phú, khả năng tiếp thu công nghệ tiên tiến, sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả hơn so với khu vực châu Phi và Mỹ La tinh; các nước ASEAN đã tạo điều kiện khơi dòng cho vốn đầu tư nước ngoài chảy vào lãnh địa của mình. Việc thu hút vốn đầu tư và chuyển giao công nghệ đã tạo điều kiện cho các nước ASEAN đổi mới công nghệ, hiện đại hóa thiết bị và có sức cạnh tranh trên thế giới.

Nhờ những nỗ lực tột bậc, trong những năm gần đây nhìn chung kinh tế ASEAN đã đi vào thế tương đối ổn định.

Không thỏa mãn với những thắng lợi đã đạt được; để tiếp tục tăng cường hợp tác có hiệu quả, Hội nghị thượng đỉnh lần V (14 và 15 tháng 12 năm 1995) đã được khai mạc tại Bangkok với sự tham gia của 7 nguyên thủ quốc gia thành viên ASEAN và 3 nguyên thủ còn lại trong khu vực (Campuchia, Lào, Myanmar). Hội nghị khẳng định rõ ý chí, quyết tâm về một Đông Nam Á hợp tác thống nhất và phát triển đa dạng. Kể từ khi thành lập, đây là lần đầu tiên trong lịch sử ASEAN có sự nhất trí cao nhằm đương đầu với những khó khăn và thử thách mới; cùng chung nguyện vọng và tiếng nói vì lợi ích của các dân tộc trong khu vực cũng như vì lợi ích của cộng đồng; quyết tâm biến Đông Nam Á thành một khu vực kinh tế năng động và thịnh vượng.

Trên con đường "hóa rồng" vào cuối thế kỷ XX các thành viên ASEAN còn phải đương đầu với nhiều thách thức từ bên ngoài cũng như trong nội bộ:

. Việc làm cho người lao động

. Tăng trưởng kinh tế và phân phối thu nhập.

. Sự suy giảm tài nguyên và mất cân bằng sinh thái.

. Tình trạng phân cực gay gắt giữa khu vực công nghiệp đô thị (tốc

độ phát triển nhanh) với khu vực nông nghiệp (nghèo nàn, lạc hậu, thiếu việc làm).

. Việc tiếp tục thực thi chính sách bảo hộ nhằm bảo vệ thị trường trong nước không còn hợp thời.

Song nhìn lại chặng đường 28 năm hoạt động của mình, Hiệp hội các nước Đông Nam Á đã thu được không ít những thành tựu kinh tế - xã hội cụ thể là:

+ Việc tạo dựng môi trường chính trị ổn định trong khu vực là tiền đề cho việc tăng trưởng.

+ Chính phủ các nước ASEAN luôn chú trọng trong việc điều chỉnh các chính sách khi tình hình khu vực và thế giới có những biến động lớn; nhằm điều tiết kịp thời các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước và khu vực. Việc quyết định rút ngắn thời gian thực hiện AFTA (năm 2000) và việc cải tổ bộ máy của ASEAN cho thấy sự nhạy bén, thức thời của ASEAN trong bối cảnh kinh tế có những biến động to lớn (xu thế khu vực hóa ngày càng được mở rộng).

+ Nhiều hình thức hợp tác mới phù hợp với điều kiện khả năng của khu vực và của từng thành viên như việc xuất hiện các tam giác kinh tế:

- Tam giác tăng trưởng Nam ASEAN: Singapore - Johor (Malaysia) - Batam (của tỉnh Riau - Indonesia) - SJR.

- Tứ giác kinh tế Thái - Đông Dương trong đó Thái Lan là trung tâm được bao bọc bởi VN, Lào, Campuchia.

- Tam giác tăng trưởng Bắc ASEAN gồm 4 bang của Malaysia, 5 tỉnh miền nam Thái Lan và đảo Sumatra của Indonesia.

- Tam giác tăng trưởng Đông ASEAN gồm 1 bộ phận của Malaysia, Philippines, đảo Sulawesi miền đông Indonesia và Brunei và khu hợp tác kinh tế lưu vực sông Mêkông.

Việc hình thành các tam giác tăng trưởng là kết quả tất yếu của liên kết kinh tế, chính trị trong khu vực. Nó phù hợp với xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa trên thế giới và tỏ ra có sức sống mạnh mẽ, tính ưu việt do:

- Các quốc gia gần nhau về mặt địa lý có mối quan hệ buôn bán, giao lưu văn hóa mật thiết từ lâu đời do vậy dễ dàng thống nhất trong các lĩnh vực hợp tác.

- Ít gặp rủi ro do quá trình hợp tác linh hoạt, cơ động và thích ứng, vốn đầu tư ít - mau thu hồi vốn.

- Một quốc gia tùy từng vùng có thể cùng lúc tham gia nhiều tam giác tăng trưởng; do đó phát huy được lợi thế về tài nguyên, vốn, lao động, kỹ thuật, bổ sung và hỗ trợ cho nhau những hạn chế.

+ Nghiên cứu mở rộng liên kết quốc tế là bức thiết đối với ASEAN nhằm tạo điều kiện cho liên kết khu vực tiếp tục phát triển trong tương lai. Thông qua APEC (liên kết của 18 quốc gia khu vực Châu Á - Thái Bình Dương) và gần đây là Hội nghị cao cấp Á - Âu (ASEAM1)...ASEAN đã chuẩn bị một bước đệm tốt cho khu vực trong thế kỷ XXI.

+ ASEAN đã thực hiện chính sách hợp tác mở và không phân biệt đối xử nhằm đảm bảo sự đoàn kết nhất trí giữa các thành viên

+ Sự hợp tác chặt chẽ của ASEAN đã tạo điều kiện cho từng thành viên tranh thủ được các nguồn đầu tư, viện trợ của nước ngoài phục vụ công cuộc phát triển đất nước có hiệu quả.

II. ASEAN HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

Để góp phần tạo nên sự thần kỳ kinh tế châu Á vào thế kỷ XXI; ASEAN đã không ngừng nỗ lực phấn đấu để có thể đạt được những thành tựu kinh tế xã hội to lớn cho toàn khu vực trong tương lai với sự tham gia của 10 quốc gia Đông Nam Á. Những thành tựu đạt được trong gần 3 thập niên, xu hướng quốc tế hóa, khu vực hóa gia tăng mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu; những tiến bộ vượt bậc của khoa học kỹ thuật trên thế giới đang mở ra chân trời mới đầy hứa hẹn đối với các nước ASEAN. Cùng với những chuyển biến đó, xu thế hòa bình, hợp tác để phát triển ngày càng gia tăng ở Đông Nam Á đang tạo ra cơ hội lớn cho các thành viên bước vào thời kỳ phát triển mới năng động và lâu bền trong thế kỷ XXI.

DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ CƠ BẢN CỦA ASEAN VÀO NĂM 2000

	Indonesia	Malaysia	Philippines	Thái Lan	Singapore
1. Tài khoản thu nhập quốc dân					
- GDP danh nghĩa (tỷ USD)	231,52	187,90	142,70	338,00	92,30
- GDP danh nghĩa BQĐN (USD)	1106,40	8543,00	1897,00	5180,00	29.687,00
- GDP thực tế (tỷ - USD)	193,40	90,00	66,00	179,00	62,40
- GDP thực tế BQĐN (USD)	924,20	4093,00	878,00	2754,00	20.057,00
2. Kinh tế đối ngoại (tỷ USD)					
- Xuất khẩu	79,88	76,10	19,90	93,50	102,70
- Nhập khẩu	60,97	72,90	24,50	94,00	109,50
- Dự trữ ngoại tệ	18,34	25,60	4,09	38,37	59,73
Nợ nước ngoài (triệu USD)	75.274,00	45.011,0	26.295,00	60.370,00	0,00
3. Dân số và lao động					
- Dân số (triệu người)	209,20	22,00	75,20	65,30	3,11
- Lao động (triệu lao động)	87,00	8,30	29,50	39,60	1,86
4. Tốc độ hàng năm (%)					
- GDP thực tế	6,80	6,10	5,60	8,00	5,80
- Xuất khẩu	6,90	5,80	9,60	9,30	5,00
- Nhập khẩu	7,60	6,60	10,10	9,00	2,70
- Sản lượng công nghiệp	8,90	6,00	5,00	7,80	4,40
- Sản lượng dịch vụ	6,70	7,80	5,80	9,10	6,30

Nguồn: Tư liệu các nước thành viên ASEAN, Nhà xuất bản Thống kê - 1996

Tuy nhiên trên con đường mở rộng hợp tác, các nước trong khu vực đang đứng trước hàng loạt những thách thức lớn trong tương lai:

- Cạnh tranh thương mại quốc tế và khu vực ngày càng diễn ra gay gắt...

- Nhu cầu cấp bách hiện đại hóa nền kinh tế để tiếp tục duy trì sự năng động, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới.

- Sự thách thức của chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch...

- Sự cách biệt về trình độ giữa các quốc gia.

- Những vấn đề cấp bách trong xã hội và các biện pháp bảo vệ tài nguyên môi trường.

- Nhu cầu hòa bình giải quyết các tranh chấp lãnh thổ trong khu vực Biển Đông nhằm duy trì hòa bình, ổn định thuận lợi cho hợp tác và phát triển.

Nhưng với sự nỗ lực, lòng mong mỏi và ý chí quyết tâm cao của các thành viên, chắc chắn ASEAN sẽ thành công trên con đường hợp tác. Mô hình hợp tác ASEAN là tấm gương sáng, là sự khích lệ cho các quốc gia thuộc thế giới thứ 3 trên con đường hòa nhập vào tổng thể kinh tế thế giới để phát triển và thịnh vượng■